



## Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (MCH: HOSE)

Giá mục tiêu: 130.000 Đồng

Khuyến nghị: **TRUNG LẬP**

Giảm giá: -7,1%

17/04/2026



### Tăng trưởng ổn định, nhưng định giá đã ở mức cao

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** với giá mục tiêu 12 tháng là 130.000 đồng/cp. MCH hiện đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 2026 là 24x, cao hơn đáng kể so với trung bình 5 năm là 19x, cho thấy tiềm năng tăng giá hạn chế từ mức giá hiện tại.

#### Luận điểm đầu tư

- Kênh phân phối truyền thống phục hồi hỗ trợ tăng trưởng trong ngắn hạn.
- Chính sách cổ tức hấp dẫn, với tỷ lệ chi trả **50% mệnh giá**, tương đương **tỷ suất cổ tức khoảng 4%**.
- Định giá cao so với các doanh nghiệp khác cùng ngành (ví dụ: SAB giao dịch ở mức P/E là 13x và VNM là 14,6x).

#### Điểm nhấn KQKD

Trong 2 tháng đầu năm 2026, MCH ghi nhận doanh thu đạt **5,16 nghìn tỷ đồng (+15% svck)**, tăng mạnh so với mức tăng **4% svck** trong Q4/2025. Đà cải thiện chủ yếu đến từ doanh thu phục hồi sau quá trình tái cấu trúc kênh phân phối, cùng với việc tái khởi động các đợt ra mắt sản phẩm mới.

Các mảng kinh doanh chính đều ghi nhận kết quả khả quan:

- Ngành hàng gia vị: +23% svck**
- Ngành hàng thực phẩm tiện lợi: +10% svck**
- Ngành hàng chăm sóc gia đình: +28% svck**

Trong khi đó, **ngành hàng cà phê và đồ uống đóng chai** ghi nhận kết quả yếu hơn (+7% svck và đi ngang svck). Tuy nhiên, hai mảng này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu.

Danh mục sản phẩm của MCH tiếp tục tập trung vào hàng tiêu dùng thiết yếu với biên lợi nhuận cao, giúp công ty có thể **chuyển phần áp lực chi phí đầu vào sang giá bán** mà vẫn duy trì sản lượng tiêu thụ ổn định, ngay cả trong giai đoạn tình hình vĩ mô còn nhiều bất ổn.

Chúng tôi dự báo **lợi nhuận ròng năm 2026 đạt 7,7 nghìn tỷ đồng (+14% svck)**, được hỗ trợ bởi biên lợi nhuận ổn định và doanh thu phục hồi.

	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	28.241	30.897	30.557	33.961
Tăng trưởng doanh thu thuần	4,7%	9,4%	-1,1%	11,1%
Biên lợi nhuận gộp	45,9%	46,6%	45,5%	45,7%
NPATMI	7.085	7.803	6.667	7.595
EPS (VND)	5.473	6.028	5.150	5.867
Tăng trưởng EPS	30,0%	10,1%	-14,6%	13,9%
Nợ/VCSH (x)	0,33	0,96	0,52	0,29
Tỷ suất cổ tức (%)	19%	4%	3%	4%
ROE	29,5%	42,0%	45,1%	36,9%
P/E (x)	8,8	23,7	35,2	23,9
P/B (x)	2,4	17,3	13,0	8,1
EV/EBITDA	6,5	18,9	26,0	17,9

Nguồn: MCH, SSI Research

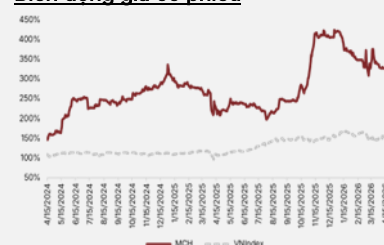
Nguyễn Trần Phương Nga

Trưởng phòng Phân tích Cổ phiếu

[ngantp@ssi.com.vn](mailto:ngantp@ssi.com.vn)

Giá CP - VND (16/04/26)	140.000
Vốn hóa (USDmn):	6.912
SLCP lưu hành (triệu cp):	1.294
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	0,5
Giá cao/thấp 52T (k VND):	181,9/84,6
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	2,0
Tỷ lệ SHNN (%):	15,5
GTNN còn được mua (USDmn):	5841,5
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	0,0

#### Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

#### Thông tin cơ bản về công ty

CTCP Hàng tiêu dùng Masan (UPCOM: MCH) là công ty con trực tiếp của Masan Consumer Holdings (không bao gồm hoạt động kinh doanh bia, Masan Brewery). Kể từ khi thành lập, công ty đã mở rộng danh mục thương hiệu sang 8 danh mục hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) và trở thành một trong những công ty tiêu dùng thiết yếu hàng đầu của Việt Nam.

## Nhìn lại năm 2025

Tỷ đồng	12T2025	12T2024	YoY	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận		
					12T2025	12T2024	2023
Doanh thu thuần	30.556,5	30.897,2	-1,1%	86% - 91%			
Lợi nhuận gộp	13.906,3	14.404,7	-3,5%		45,5%	46,6%	45,9%
Lợi nhuận hoạt động	7.192,3	7.915,9	-9,1%		23,5%	25,6%	25,4%
EBIT	8.259,3	9.331,8	-11,5%		27,0%	30,2%	30,4%
EBITDA	8.935,3	10.011,7	-10,8%		29,2%	32,4%	32,7%
Lợi nhuận trước thuế	7.764,9	9.004,3	-13,8%		25,4%	29,1%	28,7%
Lợi nhuận ròng	6.764,1	7.920,5	-14,6%	87% - 92%	22,1%	25,6%	25,5%
Lợi nhuận ròng thuộc cổ đông công ty mẹ	6.667,2	7.803,3	-14,6%		21,8%	25,3%	25,1%

Nguồn: MCH, SSI Research

**MCH ghi nhận doanh thu thuần năm 2025 giảm xuống 30,6 nghìn tỷ đồng (-1% svck), trong khi lợi nhuận ròng giảm xuống 6,8 nghìn tỷ đồng (-15% svck).** Theo đó, MCH đã hoàn thành khoảng 87% - 92% kế hoạch lợi nhuận ròng năm của công ty.

**Doanh thu nội địa yếu** (28,9 nghìn tỷ đồng, -2% svck) do gián đoạn trong kênh phân phối truyền thống, bắt nguồn từ (1) chính sách thuế mới ảnh hưởng đến các hộ kinh doanh cá thể và (2) chiến lược của MCH chuyển hướng sang phân phối trực tiếp tới nhà bán lẻ:

- **Chính sách thuế mới ảnh hưởng đến kênh phân phối truyền thống:** Từ tháng 6/2025, chính sách thuế đối với hộ kinh doanh cá thể – chiếm tỷ trọng chính trong kênh phân phối truyền thống – đã chính thức đổi từ thuế khoán sang thuế dựa trên doanh thu. Thay đổi này khiến nhiều hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động và các nhà phân phối giảm hàng tồn kho để thích ứng với quy định thuế mới. Do sự gián đoạn kênh phân phối, MCH đã hoãn ra mắt sản phẩm mới, gây ảnh hưởng đến kết quả doanh thu. Theo đó, doanh thu trong Q2/2025 giảm 15% svck. Tuy nhiên, doanh thu đã phục hồi trong Q4/2025, với mức tăng trưởng +4% svck.
- **Đẩy mạnh phân phối trực tiếp (Retail Supreme):** Từ Q3/2024, MCH bắt đầu triển khai mô hình phân phối trực tiếp, loại bỏ một số khâu trung gian nhằm (1) đẩy nhanh việc ra mắt sản phẩm mới, (2) tăng mức độ tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng, và (3) đảm bảo người tiêu dùng được hưởng các chương trình khuyến mãi mà không bị trung gian chi phối. Tính đến tháng 12/2025, Retail Supreme đã bao phủ 290 nghìn điểm bán lẻ (ASO), hoàn tất bao phủ trên kênh phân phối mua về nhà (off-premise). Từ năm 2026, MCH dự kiến mở rộng mô hình này sang kênh tiêu dùng tại chỗ (on-premise) nhằm đẩy mạnh hỗ trợ ra mắt sản phẩm mới cho kênh này.

**Tăng trưởng doanh thu theo từng mảng:** Sự gián đoạn trong kênh truyền thống khiến doanh thu ngành hàng gia vị và đồ uống đều giảm 7% svck. Tuy nhiên, ngành hàng thực phẩm tiện lợi tăng trưởng ổn định 2% svck, nhờ ra mắt sản phẩm mới (Omachi Quán xá Châu Á, cải tiến công thức Kokomi) và xu hướng cao cấp hóa sản phẩm. Ngành hàng cà phê ghi nhận tăng trưởng doanh thu đạt 3% svck, chủ yếu nhờ điều chỉnh giá trong Q1/2025. Trong khi đó, ngành hàng chăm sóc gia đình tăng mạnh 20% svck, nhờ đưa thương hiệu Chante vào kênh thương mại truyền thống và ra mắt thương hiệu mới Homey vào tháng 7/2025.

**Doanh thu xuất khẩu tăng lên 1,6 nghìn tỷ đồng (+27% svck).** Tăng trưởng này được thúc đẩy bởi việc MCH tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối tại các thị trường quốc tế trọng điểm. Trong Q2/2025, MCH đã ký kết hợp tác với Magnit, chuỗi siêu thị hàng đầu tại Nga. Tiếp nối đà này, quý 3 ghi nhận thêm các thỏa thuận hợp tác mới với Woolworths (vận hành 900 cửa hàng tại Úc) và Costco (vận hành 32 cửa hàng tại Mỹ và Hàn Quốc).

**Biên lợi nhuận gộp giảm từ 46,6% trong năm 2024 xuống 45,5% trong năm 2025,** do cơ cấu sản phẩm thay đổi cũng như chi phí tăng thêm liên quan đến việc cải tiến công thức sản phẩm.

**Thu nhập tài chính ròng giảm mạnh** từ 1,42 nghìn tỷ đồng trong năm 2024 xuống 544 tỷ đồng trong năm 2025, do số dư tiền mặt giảm sau đợt chi trả cổ tức ở mức cao trong năm 2024.

## Triển vọng năm 2026

**Kế hoạch kinh doanh của công ty:** Doanh thu dự kiến đạt trong khoảng 33,8 – 35 nghìn tỷ đồng (+11-15% svck), trong khi lợi nhuận ròng đạt khoảng 7,45 – 7,8 nghìn tỷ đồng (+10-15% svck). Ước tính lợi nhuận năm 2026 của chúng tôi tương đối sát với kế hoạch của Ban lãnh đạo.

**Kênh phân phối truyền thống ổn định trở lại giúp doanh thu phục hồi.** Sau giai đoạn gián đoạn kênh truyền thống do thay đổi chính sách thuế và việc triển khai mô hình Retail Supreme, kênh phân phối truyền thống đã dần ổn định. MCH đã tái khởi động việc ra mắt sản phẩm mới với định hướng cao cấp hóa sản phẩm, qua đó thúc đẩy gia tăng thị phần

và cải thiện biên lợi nhuận. Các ngành hàng gia vị và thực phẩm tiện lợi dự kiến trở lại mức tăng trưởng hai chữ số khi Retail Supreme mang lại kết quả tích cực tại kênh off-premise. Tuy nhiên, ngành hàng đồ uống dự kiến tiếp tục ghi nhận kết quả yếu hơn, phản ánh việc triển khai Retail Supreme tại kênh on-premise chưa hoàn thiện. Đối với ngành hàng chăm sóc gia đình, việc mở rộng kênh phân phối cho thương hiệu Chante cùng với gia tăng độ phủ thương hiệu mới Homey được kỳ vọng sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng chính. Danh mục sản phẩm của MCH chủ yếu bao gồm các mặt hàng thiết yếu với biên lợi nhuận cao, cho phép công ty chuyển phần chi phí đầu vào tăng sang giá bán mà vẫn duy trì được sản lượng ổn định, ngay cả trong bối cảnh kinh tế suy yếu.

**Doanh thu tăng trưởng dương trong Q4/2025 và duy trì đà tăng trong năm 2026.** Trong 2 tháng đầu năm 2026, doanh thu đạt 5,16 nghìn tỷ đồng (+15% svck), trong đó ngành hàng gia vị và thực phẩm tiện lợi lần lượt tăng 23% svck và 10% svck. Ngành hàng chăm sóc gia đình cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực 28% svck. Ngược lại, ngành hàng cà phê và đồ uống đóng chai cho thấy kết quả yếu hơn (+7% svck và đi ngang svck), tuy nhiên hai mảng này chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong tổng cơ cấu doanh thu.

Ước tính của chúng tôi như sau:

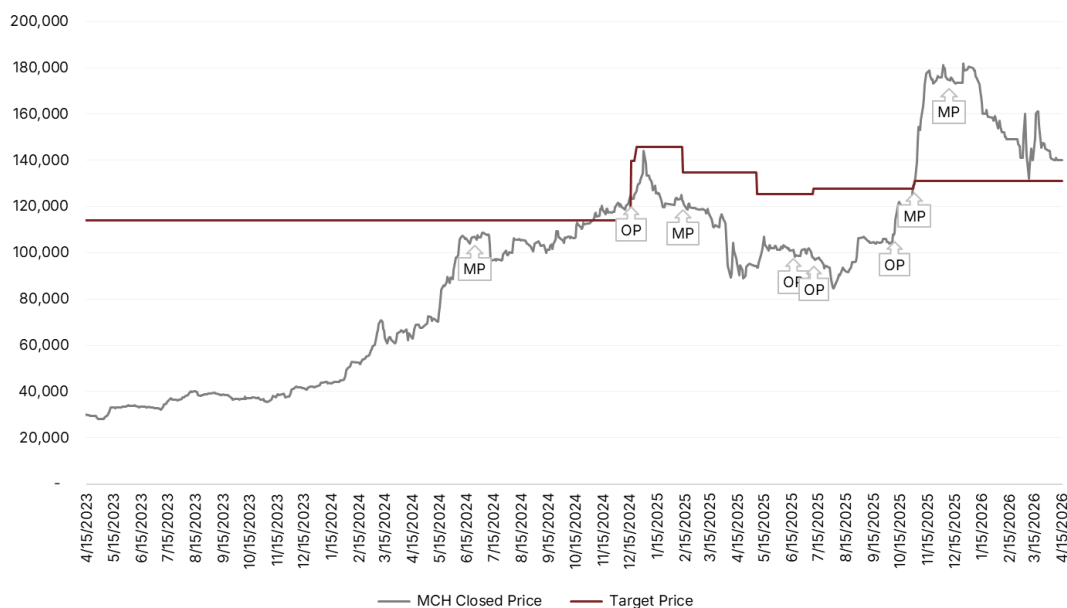
	2023	2024	2025	2026F	2024 svck	2025 svck	2026 svck
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>28.241</b>	<b>30.897</b>	<b>30.557</b>	<b>33.961</b>	<b>9%</b>	<b>-1%</b>	<b>11%</b>
Gia vị	10.446	11.195	10.405	11.862	7%	-7%	14%
Thực phẩm tiện lợi	8.446	9.152	9.327	10.260	8%	2%	10%
Cà phê	1.625	1.769	1.821	1.967	9%	3%	8%
Đồ uống	4.595	5.249	4.901	4.950	14%	-7%	1%
Chăm sóc gia đình	1.837	1.809	2.174	2.609	-2%	20%	20%
Xuất khẩu và khác	1.292	1.723	1.929	2.314	33%	12%	20%
<b>Gross profit</b>	<b>12.974</b>	<b>14.405</b>	<b>13.906</b>	<b>15.508</b>	<b>11%</b>	<b>-3%</b>	<b>12%</b>
Biên lợi nhuận gộp	45,9%	46,6%	45,5%	45,7%			
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>7.194</b>	<b>7.921</b>	<b>6.764</b>	<b>7.711</b>	<b>10%</b>	<b>-15%</b>	<b>14%</b>

Nguồn: MCH, SSI Research

## Định giá

MCH hiện đang giao dịch P/E 2026 ở mức 24x, cao hơn đáng kể so với SAB (P/E 13x) và VNM (P/E 14,6x). Mức định giá cao này chủ yếu đến từ dòng vốn mạnh từ các quỹ đầu tư thụ động, trong bối cảnh thanh khoản cổ phiếu thấp. Tuy nhiên, khi một số cổ đông lớn dự kiến thoái vốn trong thời gian tới, thanh khoản cổ phiếu sẽ được cải thiện, qua đó giúp giá cổ phiếu MCH điều chỉnh về gần giá trị nội tại của doanh nghiệp. Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 1 năm của MCH là **130.000 đồng/cổ phiếu**, dựa trên phương pháp DCF. Theo đó, chúng tôi khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu MCH.

## Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

## PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2024	2025	2026F
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
+ Tiền và các khoản tương đương	5.677	8.275	8.953
+ Đầu tư ngắn hạn	365	3.443	3.443
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.705	3.003	12.226
+ Hàng tồn kho	2.582	2.895	1.813
+ Tài sản ngắn hạn khác	64	149	57
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>10.394</b>	<b>17.765</b>	<b>26.492</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	10.363	7.076	3.396
+ GTCL Tài sản cố định	5.249	5.249	4.952
+ Bất động sản đầu tư	4	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	332	916	916
+ Đầu tư dài hạn	347	416	416
+ Tài sản dài hạn khác	1.211	2.545	923
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>17.506</b>	<b>16.201</b>	<b>10.603</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>27.900</b>	<b>33.966</b>	<b>37.095</b>
+ Nợ ngắn hạn	14.600	12.642	12.889
Trong đó: vay ngắn hạn	9.067	7.169	6.459
+ Nợ dài hạn	1.972	2.662	1.042
Trong đó: vay dài hạn	1.764	2.455	369
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>16.572</b>	<b>15.304</b>	<b>13.931</b>
+ Vốn góp	7.356	10.676	12.945
+ Thặng dư vốn cổ phần	3.649	3.648	3.648
+ Lợi nhuận chưa phân phối	923	4.962	6.084
+ Quỹ khác	-600	-624	486
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>11.328</b>	<b>18.662</b>	<b>23.164</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>27.900</b>	<b>33.966</b>	<b>37.095</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ</b>			
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	9.227	2.132	7.083
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	11.474	1.091	-400
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-20.816	-628	-6.006
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>-115</b>	<b>2.596</b>	<b>677</b>
Tiền đầu kỳ	5.790	5.677	8.275
<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>5.677</b>	<b>8.275</b>	<b>8.953</b>
<b>Các hệ số khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán hiện hành	0,71	1,41	2,06
Hệ số thanh toán nhanh	0,53	1,16	1,91
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,41	0,93	0,96
Nợ ròng / EBITDA	0,40	0,36	-0,04
Khả năng thanh toán lãi vay	28,49	16,71	24,33
Ngày phải thu	12,4	12,5	11,2
Ngày phải trả	48,0	53,0	56,0
Ngày tồn kho	52,7	60,0	46,6
<b>Cơ cấu vốn</b>			
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,41	0,55	0,62
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,59	0,45	0,38
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,46	0,82	0,60
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,96	0,52	0,29
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,80	0,38	0,28

Nguồn: MCH, SSI Research

Tỷ đồng	2024	2025	2026F
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>			
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>30.897</b>	<b>30.557</b>	<b>33.961</b>
Giá vốn hàng bán	-16.493	-16.650	-18.454
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>14.405</b>	<b>13.906</b>	<b>15.508</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	1.801	1.102	910
Chi phí tài chính	-378	-557	-376
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0
Chi phí bán hàng	-5.904	-5.749	-6.283
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-976	-1.020	-1.087
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>9.013</b>	<b>7.765</b>	<b>8.762</b>
Thu nhập khác	-8	0	0
Lợi nhuận trước thuế	9.004	7.765	8.762
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>7.921</b>	<b>6.764</b>	<b>7.711</b>
<b>Lợi nhuận chia cho cổ đông</b>	<b>7.803</b>	<b>6.667</b>	<b>7.595</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	117	97	116
EPS cơ bản (VND)	6.028	5.150	5.867
Giá trị sổ sách (VND)	14.766	17.092	17.341
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	9.500	5.000	5.000
EBIT	9.332	8.259	9.138
EBITDA	10.012	8.935	9.835
<b>Tăng trưởng</b>			
Doanh thu	9,4%	-1,1%	11,1%
EBITDA	8,4%	-10,8%	10,1%
EBIT	8,7%	-11,5%	10,6%
Lợi nhuận ròng	10,1%	-14,6%	14,0%
Vốn chủ sở hữu	-57,1%	64,7%	24,1%
Vốn điều lệ	1,1%	45,1%	21,3%
Tổng tài sản	-31,2%	21,7%	9,2%
<b>Định giá</b>			
P/E	23,7	35,2	23,9
P/B	17,3	13,0	8,1
Giá/Doanh thu	6,0	7,7	5,3
Tỷ suất cổ tức	3,7%	2,3%	3,6%
EV/EBITDA	18,9	26,0	17,9
EV/Doanh thu	6,1	7,6	5,2
<b>Các hệ số khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	46,6%	45,5%	45,7%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	25,6%	23,5%	24,2%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	25,6%	22,1%	22,7%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	19,1%	18,8%	18,5%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	3,2%	3,3%	3,2%
ROE	42,0%	45,1%	36,9%
ROA	23,1%	21,9%	21,7%
ROIC	28,7%	28,5%	27,6%

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

### Chiến lược thị trường

#### Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

### Phân tích Ngành Hàng tiêu dùng

#### Nguyễn Trần Phương Nga

Trưởng phòng Phân tích cổ phiếu

ngantp@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

### Dữ liệu

#### Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321